

Bản án số: 05/2024/HS-ST
Ngày 31 - 01 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH T

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thảo
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Quý và bà Hà Thị Mơ
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Cấn Trường Trung- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh T tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Mạnh Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

H M T (tên gọi khác: không), sinh năm 1984, tại: Thành phố T, tỉnh T; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu C, xã L, huyện L, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Hà Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1955; Vợ là Hoàng Thị Hồng N, sinh năm 1985 (đã ly hôn); Bị cáo có 01 con (sinh năm 2006);

Tiền sự: 01 tiền sự, cụ thể: Tại Quyết định về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 222/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của UBND xã Hưng Long quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với T về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn 03 tháng. Ngày 07/01/2022, T đã chấp hành xong. Hiện chưa được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Tiền án: Có 02 tiền án:

+ Tại bản án hình sự phúc thẩm số 93/2020/HS-PT ngày 11/9/2020, của Tòa án nhân dân tỉnh T, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo H M T, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 20/2020/HS-ST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T. xử phạt H M T 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 06/4/2021 T đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích.

+ Tại bản án số 12/2022/HSST ngày 19/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T, xử phạt H M T 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (*trị giá tài sản trộm cắp là 908.500 đồng, mặc dù số tiền trộm cắp dưới 2.000.000 đồng nhưng T có 01 tiền án về tội: Trộm cắp tài sản, theo bản án số 20/2020/HS-ST ngày 20/6/2020 của*

Toà án nhân dân huyện L) và 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 11/01/2023 T đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 02/11/2023. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh T (Cố mặt).

- **Bị hại:** Anh Ông Hà Mạnh Đ, sinh năm 1966. Địa chỉ: Khu V, xã L, huyện L, tỉnh T.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Đ: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969. Địa chỉ: Khu V, xã L, huyện L, tỉnh T (Là vợ ông Đ, Cố mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 17 giờ 10 phút ngày 01/11/2023, H M T, sinh ngày 03/10/1984, ở khu C, xã L, huyện L, đang ở nhà thì thấy ông H M Đ, sinh năm 1966, ở khu Gò Vê, xã L, huyện L (gia đình ông Đ là hàng xóm giáp danh với gia đình T) điều khiển xe mô tô đi ra khỏi nhà, T biết ông Đ thường ngày hay đi đánh bóng chuyền ở nhà văn hóa khu. Do bản thân không có tiền và biết gia đình ông Đ vừa tổ chức đám cưới có tiền để trong nhà, nên T đã nảy sinh ý định vào nhà ông Đ để trộm cắp tài sản. T vào trong nhà lấy 01 con dao (có đặc điểm lưỡi dao bằng kim loại, đầu vuông, dài 35 cm, rộng 5,5cm, chuôi dao dài 12,5cm) và 01 túi nilon màu xanh mang theo trên người đi đến bờ rào tiếp giáp nhà ông Đ.

Thắng quan sát thấy nhà ông Đ cửa cổng, cửa nhà, cửa bếp đều đóng, không có ai ở nhà và thấy có 01 chiếc camera an ninh hướng ra ngoài sân. T đi đến cột Đ ở lề đường đối diện cổng nhà ông Đ, ngắt cầu dao Đ vào nhà ông Đ tại đồng hồ công tơ. Mục đích ngắt cầu giao của T là để camera an ninh không hoạt động. T trèo qua tường rào, đi đến vị trí cửa ngách (Vị trí lối đi từ bếp lên nhà ở), thì thấy cửa bị khóa. T thấy trong sân nhà ông Đ có kê một giá để dao nên đã đi đến lấy 01 con dao (có đặc điểm dài 20cm, rộng 03 cm), rồi dùng con dao này cạy phá khóa cửa, đi vào bên trong nhà. Khi vào bên trong nhà, T thấy cửa phòng ngủ (vị trí liền kề giáp với nhà bếp) trong tình trạng khóa, nên T dùng vai phải của mình đẩy mạnh vào cánh cửa, làm thanh kim loại ốp bản lề khóa cửa bị bung ra. Sau đó T mở cửa đi vào trong phòng ngủ. Tại đây, T thấy có 01 chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp được kê ở đầu giường (bên trong két sắt gia đình ông Đ cất giữ số tiền 95.470.000 đồng (Chín mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng), 01 (một) kiềng đeo cổ bằng kim loại vàng, 02 (hai) khuyên tai bằng kim loại vàng; 03 (ba) nhẫn tròn trơn bằng kim loại vàng). T kéo két sắt ra vị trí ở đuôi giường, đặt két sắt để ngửa mặt trước lên trần nhà để tìm cách mở khóa nhằm mục đích lấy toàn bộ tài sản có bên trong két sắt. T quay lại vị trí giá để dao, lấy 01 con dao (lưỡi bằng kim loại đầu vuông, có một cạnh sắc, dài 22 cm, rộng 10 cm có bản rộng, chuôi dao bằng gỗ dài 13cm) và 01 con dao quắm (có đặc điểm dài 55 cm, rộng 04 cm, có mũi cong), rồi dùng 02 con dao này cạy, phá két sắt, làm cửa két sắt bị vênh ra để hở một khoảng trống. T nhìn qua khe hở thấy bên trong có tiền Việt Nam đồng, nên luồn các ngón tay phải vào trong để lấy, nhưng không lấy được tiền do khe hở hẹp. T lại tiếp tục dùng dao cạy phá két cho khe hở rộng ra, thì lúc này ông Đ điều khiển xe mô tô đi về, dừng xe để mở khóa cổng. T nghe thấy tiếng xe mô tô và tiếng động mở cửa cổng. Do lo sợ bị phát hiện, nên T đã bỏ chạy ra vườn ngô trước nhà ông Đ, rồi chạy ra cánh đồng, ở khu Gò Vê, xã L, huyện L và ngủ qua đêm tại đó. Đến ngày 02/11/2023, Cơ quan điều tra đã triệu tập H M

T đến làm việc, tại Cơ quan điều tra T đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình như trên.

Đối với ông Hà Văn Đ, khi về đến nhà thấy T từ bên trong nhà chạy ra, ông Đ đã tri hô hàng xóm để đuổi bắt nhưng không được. Phát hiện kết sắt của gia đình bị dịch chuyển khỏi vị trí ban đầu và bị cạy phá, nên đã đến trình báo với Công an xã L và Công an huyện L để giải quyết.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường và đã xác định bên trong chiếc kết sắt nhãn hiệu Việt Tiệp của gia đình nhà ông Đ bị H M T cạy phá có các tài sản và đồ vật sau: số tiền 95.470.000 đồng (Chín mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng), 01 (một) kiềng đeo cổ bằng kim loại màu vàng, hình tròn; 02 (hai) khuyên tai bằng kim loại màu vàng; 03 (ba) nhẫn tròn trơn bằng kim loại màu vàng.

Ngày 22/11/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện L ra quyết định trưng cầu giám định Viện khoa học hình sự Bộ Công an để xác định 01 (một) kiềng đeo cổ bằng kim loại màu vàng, hình tròn; 02 (hai) khuyên tai bằng kim loại màu vàng; 03 (ba) nhẫn tròn trơn bằng kim loại màu vàng là kim loại gì, khối lượng và hàm lượng. Tại Bản kết luận giám định số: 8601/KL-KTHS ngày 05/12/2023 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an đã kết luận:

+ 01 (một) kiềng đeo cổ bằng kim loại màu vàng hình tròn gửi giám định có tổng khối lượng 43,50 gam (tính cả khối lượng lớp xi bên trong). Phần kim loại màu vàng đều là vàng (Au), hàm lượng trung bình 99,83%.

+ 02 (hai) khuyên đeo tai bằng kim loại màu vàng gửi giám định có tổng khối lượng 7,48 gam đều là vàng (Au), hàm lượng trung bình 99,56%.

+ 03 (ba) nhẫn tròn trơn bằng kim loại màu vàng gửi giám định có tổng khối lượng 11,24 gam đều là vàng (Au), hàm lượng trung bình 99,87%.

- Ngày 08/12/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L định giá tài sản để xác định giá trị của: 01 kiềng đeo cổ kim loại vàng; 02 khuyên đeo tai kim loại vàng; 03 nhẫn tròn trơn kim loại vàng tại thời điểm bị trộm cắp. Tại bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 12/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L đã định giá và kết luận:

- 01 (một) kiềng đeo cổ bằng vàng (9999) trọng lượng 03 chỉ trị giá 17.460.000đ;

- 02 (hai) khuyên đeo tai bằng vàng(9999) tổng trọng lượng 02 chỉ trị giá 11.640.000đ;

- 03 (ba) nhẫn tròn trơn bằng vàng (9999) tổng trọng lượng 03 chỉ trị giá 17.460.000đ.

- Tổng giá trị tài sản là: 46.560.000 đồng

Như vậy, ngày 01/11/2023, tại nhà ở của gia đình ông H M Đ, ở khu Gò Vê, xã L, huyện L, H M T đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà ở của ông Đ, cạy phá kết sắt nhằm mục đích để trộm cắp toàn bộ tài sản bên trong kết gồm có số tiền 95.470.000đ; 01 kiềng đeo cổ bằng kim loại vàng, có trị giá 17.460.000đ; 02 khuyên đeo tai bằng kim loại vàng có trị giá 11.640.000đ; 03 nhẫn tròn trơn bằng kim loại vàng có trị giá 17.460.000đ. Tổng cộng giá trị tài sản mà T nhằm mục đích trộm cắp là: 142.030.000 đồng.

Mặc dù, T chưa chiếm đoạt được tài sản trong két sắt nhà ông Đ, nhưng T đã có ý định trộm cắp tài sản của nhà ông Đ từ trước khi thực hiện hành vi của mình, thể hiện bằng hành vi cạy phá két sắt nhằm mục đích trộm cắp toàn bộ tài sản có bên trong két. Việc T không lấy được tài sản trong két là vì lý do khách quan và nằm ngoài muốn của T. Hành vi này của H M T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 173 Bộ luật hình sự trong trường hợp phạm tội chưa đạt.

Đối với hành vi T cạy phá làm hỏng chiếc két sắt và làm bung cánh cửa của gia đình ông H M Đ. Cơ quan điều tra đã tiến hành định giá và xác định giá trị tài sản bị thiệt hại là 1.050.000đ. Trong vụ án này, hành vi làm hư hỏng chiếc két sắt, cánh cửa chỉ là phương thức thủ đoạn phạm tội của T, phục vụ mục đích lấy tiền trong két. Vì vậy, hành vi của T chỉ cấu thành tội Trộm cắp tài sản và phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại của tài sản bị hư hỏng.

Ngày 02/11/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện L, tỉnh T đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự và quyết định khởi tố bị can đối với H M T về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại Cơ quan điều tra, T đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai của T phù hợp với lời khai bị hại, phù hợp với vật chứng của vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số: 11/CT-VKSYL- HS ngày 19/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị cáo T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo H M T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 15; khoản 3 Điều 57; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo H M T từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 02/11/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

- *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng khoản 1, Điều 47 BLHS; điểm c, khoản 2, điểm b, khoản 3, Điều 106 BLTTHS.

+ Xác nhận gia đình ông Đ đã nhận lại số tiền 95.470.000 đồng và 01 kiềng đeo cổ 03 chỉ bằng vàng; 02 khuyên tai 02 chỉ bằng vàng; 03 nhẫn tròn trơn 03 chỉ bằng vàng (do bà N T T là vợ ông Đ nhận) theo biên bản trả lại tài sản ngày 21/11/2023 và 13/12/2023 của Công an huyện L.

+ Trả lại cho ông H M Đ 01 con dao (có đặc điểm lưỡi bằng kim loại đầu vuông, có một cạnh sắc, dài 22 cm, rộng 10 cm có bản rộng, chuôi dao bằng gỗ dài 13cm, bị cong ở giữa chuôi dao và lưỡi dao); 01 thanh kim loại, dạng ốp bản lề khóa cửa (có đặc điểm dài 18cm, rộng 2,5cm, dày 0,2cm).

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp, size 45, N^o: 3950m (có kích thước dài 50cm, rộng 38cm, cao 80cm đã bị hư hỏng); 01 con dao (có đặc điểm lưỡi dao bằng kim loại, đầu vuông, dài 35 cm, rộng 5,5cm, chuôi dao dài 12,5cm); 01 túi nilon màu xanh.

Đối với 01 con dao bằng kim loại (có đặc điểm dài 20cm, rộng 03 cm) và 01 con dao quắm (có đặc điểm dài 55 cm, rộng 04 cm, có mũi cong). Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng chưa thu giữ được nên chưa có cơ sở để xử lý.

- Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1, Điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 589 BLDS.

Tại phiên tòa là bà N T T đại diện cho bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc kết sắt mà T cạy phá làm hư hỏng là 1.050.000 đồng và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác. Xét thấy yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của bà T là có căn cứ nên buộc bị cáo T phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho gia đình ông Đ, bà T số tiền 1.050.000 đồng.

- Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không tham gia tranh luận đối với bản luận tội và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình và mong muốn Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo H M T đã thừa nhận: Khoảng 17 giờ 30 ngày 01/11/2023, tại nhà ở của gia đình ông H M Đ, sinh năm 1966, ở khu Gò Vê, xã L, huyện L, tỉnh T, H M T, sinh ngày 03/10/1984, ở khu C, xã L, huyện L đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà của ông H M Đ cạy phá kết sắt nhằm mục đích để trộm cắp toàn bộ tài sản có bên trong kết gồm: số tiền 95.470.000đ; 01 kiềng đeo cổ bằng kim loại vàng, có trị giá 17.460.000đ; 02 khuyên đeo tai bằng kim loại vàng có trị giá 11.640.000đ; 03 nhẫn tròn trơn bằng kim loại vàng có trị giá 17.460.000đ. Tổng cộng giá trị tài sản mà T nhằm mục đích trộm cắp là: 142.030.000 đồng. Mặc dù, T chưa chiếm đoạt được tài sản trong kết sắt nhà ông Đ, nhưng T đã có ý định trộm cắp tài sản của nhà ông Đ từ trước khi thực hiện hành vi của mình, thể hiện bằng hành vi cạy phá kết sắt nhằm mục đích trộm cắp toàn bộ số tài sản có bên trong kết. Việc T không lấy được tài sản trong kết là vì lý do khách quan và nằm ngoài muốn của T.

Nên hành vi này của H M T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự (trong trường hợp phạm tội chưa đạt).

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c. Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai mà bị cáo đã khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

3. Tính chất mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo:

Tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, có điều kiện để nhận thức và đạt độ tuổi theo quy định của pháp luật, bị cáo có hiểu biết xã hội nhưng vì mục đích kinh tế, muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, đã ngang nhiên xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh tại địa phương, gây bất bình trong nhân dân. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản”. Hành vi của bị cáo phải được xử phạt nghiêm trước pháp luật, mức hình phạt phải tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

4. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về nhân thân: Trước lần phạm tội này bị cáo H M T đã bị xử phạt vi phạm hành chính cụ thể:

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC ngày 20/4/2015 của Công an phường Minh Phương, thành phố Việt Trì xử phạt T 750.000đ về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Ngày 20/4/2015 T chấp hành xong, được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

- Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06/QĐ-XPHC ngày 21/01/2016 của Công an thành phố Việt Trì, tỉnh T xử phạt T 500.000đ về hành vi “Tàng trữ trái phép pháo”. Ngày 21/01/2016 T đã chấp hành xong, được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo có 01 tiền sự, cụ thể: Tại Quyết định về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 222/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của UBND xã Hưng Long quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với T về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn 03 tháng. Ngày 07/01/2022, T đã chấp hành xong. Hiện chưa được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Bị cáo T đã từng bị Tòa án xét xử và kết án bằng Bản án và chưa được xóa án tích, cụ thể:

- Tại bản án số 93/2020/HS-PT ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh T đã chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo H M T. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 20/2020/HSST ngày 26/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh T, xử phạt H M T 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Ngày 06/4/2021 T đã chấp hành xong nhưng chưa được xóa án tích.

- Tại bản án số 12/2022/HS-ST ngày 19/4/2022 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh T đã tuyên phạt H M T 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (giá trị tài sản trộm cắp là 908.500đ, mặc dù số tiền trộm cắp dưới 2.000.000đ nhưng T có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản theo bản án số 20/2020/HS-ST ngày 26/6/2020 của Toà án nhân dân huyện L) và 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 11/01/2023, T đã chấp hành xong nhưng chưa được xóa án tích.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*tái phạm*” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này, H M T mặc dù chưa chiếm đoạt được tài sản trong két sắt nhà ông Đ, nhưng T đã có ý định trộm cắp tài sản của nhà ông Đ từ trước khi thực hiện hành vi của mình. Việc T không lấy được tài sản trong két là vì lý do khách quan và nằm ngoài ý muốn chủ quan của T nên hành vi của H M T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thì thấy: Bị cáo đã nhiều lần vi phạm pháp luật nhưng không lấy đó làm bài học để sửa chữa bản thân mà lại tiếp tục vi phạm nên xử phạt bị cáo 40 tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt được quy định tại Điều 15 BLHS. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử nhận thấy xử phạt bị cáo 30 tháng tù theo khung đề nghị thấp nhất của Viện kiểm sát nhân dân huyện L là đảm bảo đúng tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và đúng quy định của pháp luật hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng*”.

Qua xác minh tại địa phương thì bị cáo T đang sống cùng với bố mẹ đẻ, không có tài sản riêng có giá trị, không có có nguồn thu nhập. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[6]. Về xử lý vật chứng:

+ Ngày 21/11/2023 và ngày 13/12/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trả lại cho gia đình ông Đ số tiền: 95.470.000 đồng và 01 kiềng đeo cổ 03 chỉ bằng vàng; 02 khuyên tai 02 chỉ bằng vàng; 03 nhẫn tròn trơn 03 chỉ bằng vàng nên cần xác nhận.

+ Đối với 01 Két sắt, nhãn hiệu Việt Tiệp, size 45, N⁰: 3950m (*kích thước dài 50cm, rộng 38cm, cao 80cm, đã bị hư hỏng*) là tài sản của gia đình ông Đ và là vật chứng của vụ án nhưng đã bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy.

+ Đối với 01 con dao (*có đặc điểm lưỡi dao bằng kim loại, đầu vuông, dài 35 cm, rộng 5,5cm, chuôi dao dài 12,5cm*); 01 thanh kim loại, dạng ốp bản lề khóa cửa (*có đặc điểm dài 18cm, rộng 2,5cm, dày 0,2cm*) là vật chứng của vụ án đồng thời là đồ vật, tài sản của gia đình ông Đ. Tại phiên toà bị hại đề nghị xin lại các tài sản trên nên trả lại các tài sản cho gia đình ông Đ là phù hợp.

+ Đối với 01 con dao (*có đặc điểm lưỡi bằng kim loại đầu vuông, có một cạnh sắc, dài 22 cm, rộng 10 cm có bản rộng, chuôi dao bằng gỗ dài 13cm, bị cong ở giữa chuôi dao và lưỡi dao*); 01 túi nilon màu xanh. Các vật chứng trên là tài sản của bị cáo T nhưng do không còn giá trị sử dụng, bị cáo không có quan điểm không nhận lại nên cần tịch thu để tiêu hủy.

(*Đối với 01 con dao bằng kim loại (có đặc điểm dài 20cm, rộng 03 cm) và 01 con dao găm (có đặc điểm dài 55 cm, rộng 04 cm, có mũi cong). T khai, đã dùng để phá khóa cửa và cạy phá két. Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng chưa thu giữ được nên Hội đồng xét xử chưa có căn cứ để xem xét xử lý.*)

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà, bà N T T là người đại diện theo uỷ quyền của bị hại yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho gia đình bà thiệt hại do tài sản bị xâm phạm số tiền là: 1.050.000đ (*Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*), ngoài ra bà không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền gì khác. Xét thấy yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của bà T là có căn cứ nên cần buộc bị cáo T phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho gia đình bà T khoản tiền 1.050.000 đồng là phù hợp.

[8]. Về án phí: Bị cáo H M T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố bị cáo H M T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2]. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 15; khoản 3 Điều 57; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo H M T 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 02/11/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

[3]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Xác nhận gia đình ông Đ đã nhận lại khoản tiền mặt là 95.470.000đ (Chín mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng); 01 kiềng đeo cổ 03 chỉ, bằng vàng; 02 khuyên tai 02 chỉ, bằng vàng; 03 nhẫn tròn trơn 03, chỉ bằng vàng.

+ Trả lại cho gia đình ông Đ các tài sản sau: 01 con dao (*có đặc điểm lưỡi bằng kim loại đầu vuông, có một cạnh sắc, dài 22 cm, rộng 10 cm có bản rộng, chuôi dao bằng gỗ dài 13cm, bị cong ở giữa chuôi dao và lưỡi dao*); 01 thanh kim loại, dạng ốp bản lề khóa cửa (*có đặc điểm dài 18cm, rộng 2,5cm, dày 0,2cm*).

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc két sắt nhãn hiệu Việt Tiệp, size 45, N⁰: 3950m (*có kích thước dài 50cm, rộng 38cm, cao 80cm đã bị hư hỏng*); 01 con dao

(có đặc điểm lưỡi dao bằng kim loại, đầu vuông, dài 35 cm, rộng 5,5cm, chuôi dao dài 12,5cm); 01 túi nilon màu xanh.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo H M T phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho gia đình ông H M Đ số tiền 1.050.000đ (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c Khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo H M T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong án hình sự. Tổng cộng là: 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và bị hại đều có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện L;
- Bộ phận THAHS;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã L;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thảo

